

Bản án số : 580/HNGĐ-PT

Ngày: 21/6/2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán: Bà: Đặng Thị Bích Loan.

Bà: Lưu Thị Thuỷ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 “Tranh chấp ly hôn”; Do bản án dân sự sơ thẩm số 573/2018/HNGĐ-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2235/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 21/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Phước L, sinh năm 1977; Địa chỉ: 6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mai C, sinh năm 1984 ; Địa chỉ: 214 bis N, Phường N, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Võ Phước L và bà Nguyễn Thị Mai C là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 25/9/2003. Vợ chồng có hai con chung Võ Minh Ch(10/10/2004) và Võ Minh B (31/01/2007).

Năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hoà hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã. Ngày 04/7/2012, ông L nộp đơn xin ly hôn. Ngày 01/8/2012, bà C có yêu cầu phản tố tranh chấp tài sản chung.

Hai bên thoả thuận ly hôn theo Quyết định số 47/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2013 của Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quyết định này hai bên thuận tình ly hôn và thoả thuận: bà C trực tiếp nuôi 02 con

chung, ông L cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng. Về tài sản chung: căn nhà 6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B, thống nhất trị giá là 200.000.000 đồng và đồng ý bán nhà chia đôi giá trị. Ông L, bà C mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị. Ông L hiện đang cư trú tại nhà nên ưu tiên mua khi bán nhà.

Ngày 11/3/2013, ông L kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L và chung sống với bà L tại địa chỉ trên đến nay cùng 02 con chung.

Ngày 08/01/2014, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 08/2014 huỷ Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa các đương sự trên, giao về Tòa án Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xử lại sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng: thiếu điều luật áp dụng, thiếu phần nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thời hạn ban hành quyết định trễ 01 ngày, thông báo sửa chữa bổ sung không đúng quy định...

Toà án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án. Nhiều lần ông Lộc không đến toà. Ngày 24/4/2015, bà C tiếp tục nộp đơn phản tố một lần nữa xác định tranh chấp tài sản chung: căn nhà 6/1B đường 225, xã Hoà Phú, huyện C; căn nhà 109 kênh Vàm T, I, Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang và cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 24/6/2015, bà C có đơn yêu cầu ngăn chặn cầm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản tranh chấp.

Ngày 08/7/2015, Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời có 02 văn bản: văn bản số 1261/TAQ1 yêu cầu Ủy ban nhân dân Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang và Văn phòng đăng ký đất đai Rạch Giá, Kiên Giang tạm thời chưa cho đăng bộ và cấp lại giấy mới căn nhà 109 kênh V, I, Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang; Văn bản số 1260/TAQ1 yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C và Văn phòng đăng ký đất đai huyện C tạm thời chưa cho đăng bộ và cấp lại giấy mới căn nhà 6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B, Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Chi là bị đơn có yêu cầu phản tố nên thay đổi tư cách tố tụng, ra quyết định số 947/2015/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2015 chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 26/10/2015, Tòa án nhân dân huyện C chuyển trả lại hồ sơ.

Ngày 29/10/2015, Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án, thông báo thụ lý xác định tư cách tố tụng bà Nguyễn Thị Mai Chi là nguyên đơn, ông Võ Phước Lộc là bị đơn.

Ngày 20/9/2016, Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả xác minh.

Ngày 04/7/2016, ông L có bản tự khai yêu cầu ngừng việc xét xử vụ án, xin vắng mặt trong các phiên làm việc và xét xử. Xác định căn nhà trên ông đang ở cùng vợ sau là bà Nguyễn Thị Ngọc L, 02 con chung với người vợ sau, đã bỏ ra chi phí sửa chữa nhà 80.000.000 đồng.

Ngày 07/8/2017, ông Võ Phước L có bản khai thông báo hai bên đã thoả thuận tài sản đối với căn nhà 109 kênh V, Đ, Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang. Yêu cầu giải toả công văn ngăn chặn.

Bà C có bản khai rút lại 1 phần yêu cầu phản tố không tranh chấp nhà 109 kênh V, I, O, Rạch giá, Kiên Giang.

Ngày 01/11/2017, ông L có bản khai xác định không đồng ý ly hôn. Yêu cầu xem xét trách nhiệm trong việc huỷ quyết định về quan hệ hôn nhân vì hiện tại ông đang tồn tại 02 quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Toà án tiến hành thủ tục thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp.

Biên bản định giá ngày 11/10/2017, Hội đồng định giá không xác định được giá đất theo giá thị trường mà định theo giá nhà nước. Tổng giá trị là 196.497.000 đồng.

Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 13/3/2018, ông C khai và cung cấp hộ khẩu hiện căn nhà **6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B**, có 4 nhân khẩu gồm ông, bà Nguyễn Thị Ngọc L, hai con là Võ Minh K (2015) và Võ Ngọc Mi (2013).

Ngày 19/7/2018, Toà án Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định thời gian mở phiên toà vào lúc 14 giờ ngày 06/8/2018.

Tại phiên toà ngày 06/8/2018, ông L rút lại yêu cầu ly hôn.

Quyết định dừng phiên toà số 3910/2018 ngày 06/8/2018 của Hội đồng xét xử lý do để thu thập chứng cứ, ấn định thời gian mở lại phiên toà là 14 giờ ngày 30/8/2018. Thẩm phán ký thông báo cho bà C nộp tạm ứng án phí yêu cầu ly hôn 200.000 đồng. Ngày 07/8/2018 bà C nộp biên lai tạm ứng án phí.

Ngày 30/8/2018, Thẩm phán ký thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà lý do Thẩm phán bận công tác đột xuất, ấn định thời gian mở lại phiên toà là 09 giờ ngày 10/9/2018.

Theo biên bản phiên toà ngày 06/8/2018, lúc 09 giờ ngày 10/9/2019 phiên toà tiếp tục phần xét hỏi. Sau khi đương sự tranh luận. Chủ tọa tuyên bố tạm nghỉ và thông báo phiên toà tiếp tục lại vào ngày 14/9/2019.

Vào lúc 15 giờ ngày 14/9/2019, phiên toà mở lại tiếp tục phần Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau đó, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án rồi trở lại phòng xử quay lại phần xét hỏi bổ sung về việc thi hành án quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Sau đó Hội đồng lại vào phòng nghị án và trở ra thông báo tạm ngừng phiên toà đến ngày 21/9/2018.

Vào lúc 09 giờ ngày 21/9/2018, Hội đồng xét xử mở lại phiên toà tiếp tục phần xét hỏi. Hỏi về việc nếu Toà án thay đổi tư cách tố tụng ông L thành nguyên đơn, bà Chi thành bị đơn thì các đương sự có yêu cầu tiến hành lại thủ tục không?

Ông L có ý kiến: nếu bà C đồng ý giao tài sản cho ông, ông hoàn lại 100.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi con 100.000.000 đồng 1 lần thì ông đồng ý. Còn không, ông rút đơn khởi kiện, đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án.

Viện kiểm sát phát biểu: xác định ông Lộc là nguyên đơn, bà Chi là bị đơn. Ông L rút đơn. Bà Chi giữ yêu cầu phản tố nên vẫn tiến hành xét xử.

Hội đồng xét xử tuyên bố nghị án kéo dài và ngày 27/9/2018 tuyên án.

Bản án sơ thẩm số 573/2018/HNGĐ-ST ngày 27/9/2018 của Toà án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xác định nguyên đơn là ông Lộc, bị đơn là bà Chi. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Phước L và bà Nguyễn Thị Mai C.

2. Về con chung: Giao cho bà Chi trực tiếp nuôi 2 trẻ Võ Minh C, Võ Minh B. Ông Lộc cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 2.000.000đ/tháng.

3. Đình chỉ 1 phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mai C về tranh chấp căn nhà 109 kênh U, I, Vĩnh Quang, Rạch Giá, Kiên Giang.

4. Giao cho bà C sở hữu căn nhà **6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B**. Bà C hoàn cho ông L 100.000.000 đồng giá trị nhà và hỗ trợ thêm 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2018, ông Võ Phước L kháng cáo về phần cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn, bị đơn thống nhất thuận tình ly hôn và thoả thuận: ông L giao cho bà C số tiền chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con một lần là 600.000.000 đồng. Sau khi hoàn tất thủ tục giao tiền, ông L sẽ được sở hữu căn nhà 6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B,

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: đơn kháng cáo của ông L trong thời hạn luật định. Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của ông Võ Phước L làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp

quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, bản án sơ thẩm số 573/2018/HNGĐ-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung: Xét quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm:

2.1 Cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục trong quá trình tiến hành tố tụng:

- Thẩm phán ban hành công văn ngăn chặn khi giải quyết vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự là người mua căn nhà ở Rạch giá, Kiên Giang nhưng không đưa vào tham gia tố tụng. Khi bị đơn đã rút yêu cầu phản tố không tranh chấp căn nhà 109 U, Đồng khởi, Y, B, tỉnh Kiên Giang nhưng Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đồng xét xử đã không xử lý văn bản này.

- Ông L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với người vợ sau là bà Nguyễn Thị Ngọc L. Các lời khai của ông L, hộ khẩu thường trú xác định bà L đang cư trú tại địa chỉ nhà đang tranh chấp và có sửa chữa nhà sau khi kết hôn với bà Loan nhưng cấp sơ thẩm đã không đưa bà L và các con bà L vào tham gia tố tụng trong khi quyết định giao căn nhà cho bà C là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

- Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng quy định tại Điều 133 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử dừng phiên tòa vi phạm khoản 2 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử trở lại phần xét hỏi sau đó nghị án mà không thực hiện việc tranh luận là vi phạm Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các lần dừng phiên tòa, phiên tòa không mở, thay đổi thời gian mở phiên tòa...đều không có biên bản thảo luận của Hội đồng xét xử là vi phạm nguyên tắc Hội thẩm nhân dân ngang quyền theo quy định tại điểm 4 Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3589/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2018, thời gian mở phiên tòa 14 giờ ngày 06/8/2018 với thành phần Hội đồng xét xử có Hội thẩm nhân dân là ông Nguyễn Hùng Sơn, bà Hồ Bích Ngọc. Nhưng đến ngày xét xử 06/8/2018, Thẩm phán lại ban hành quyết định xét xử mới số 3909/2018/QĐXXST-HNGĐ với thời gian mở phiên tòa cùng ngày ban hành là ngày 06/8/2018 với thành phần Hội đồng xét xử với hai Hội thẩm nhân dân bà Hồ Thị Bích Ngọc, bà Lê Thị Tụ là vi phạm Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.2 Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, thay đổi địa vị tố tụng.

- Ông L có văn bản yêu cầu ngừng việc xét xử, không có đơn rút yêu cầu khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm lại thụ lý thay đổi tư cách tố tụng bà C thành nguyên đơn, ông L thành bị đơn. Nếu xác định bà Chi là nguyên đơn thì Tòa án chỉ xem xét yêu cầu phản tố của bà là tranh chấp cấp dưỡng, tranh chấp chia tài sản chung vì bà C không có đơn yêu cầu ly hôn. Sau khi dừng phiên tòa ngày 06/8/2018, Thẩm phán thông báo cho bà C nộp tạm ứng tranh chấp ly hôn là vi

phạm thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố theo khoản 3 Điều 200, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thông báo thụ lý, quá trình tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định bà Chi là nguyên đơn, ông Lộc là bị đơn. Nhưng đến ngày 21/9/2018, khi tuyên án, bản án của Hội đồng xét xử lại thay đổi, xác định ông Lộc là nguyên đơn, bà Chi là bị đơn.

2.3 Cấp sơ thẩm đã sai lầm về đường lối giải quyết vụ án:

- Tại phiên toà ngày 21/9/2018, ông Lộc có ý kiến nếu bà C và ông không thoả thuận được về tài sản, cấp dưỡng nuôi con thì ông rút yêu cầu khởi kiện. Đề nghị đình chỉ vụ án. Nhưng bản án không đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn mà vẫn tuyên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hội đồng định giá tài sản ngày 11/10/2017 đã xác định trong biên bản định giá là không định giá đất theo giá thị trường mà chỉ định giá đất theo giá nhà nước. Như vậy, “có căn cứ rõ ràng cho thấy kết quả định giá tài sản không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm định giá”. Trường hợp này, Hội đồng xét xử phải cho tiến hành định giá lại theo quy định tại Điều 18 Thông tư 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014. Nhưng cấp sơ thẩm đã lấy giá của bà Chi đưa ra tại phiên toà để quyết định giao nhà cho bà Chi với lý do bà Chi tự nguyện hoàn tiền cho ông L cao hơn giá của Hội đồng định giá, có lợi cho ông L là sự áp dụng chủ quan, tùy tiện, không có căn cứ pháp luật.

3. Xét thấy, hiện ông L đang tồn tại 02 quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà C và bà L; tài sản chung chưa chia; ông L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn bị huỷ... điều này thật sự làm cho cuộc sống của các bên lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không ổn định. Nếu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm chỉ làm vụ án tiếp tục kéo dài, không có lợi cho các đương sự trong khi bản chất của vấn đề cần giải quyết dứt điểm đó là: tình cảm hai bên đã không còn, cần giải quyết ly hôn; tài sản tranh chấp không được định đúng với giá trị thực tế nên ông L, bà C đều muốn giành quyền nhận tài sản và hoàn tiền. Cấp phúc thẩm muốn khắc phục những sai sót của cấp sơ thẩm nhưng các đương sự không hợp tác: bà Chi không thống nhất chọn công ty thẩm định giá, không đồng ý gặp ông L, không đưa ra giải pháp hoà giải, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà L với tư cách cá nhân và giám hộ cho hai trẻ Kiều, Ý không đến toà theo giấy triệu tập.

Tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã phải dành nhiều thời gian phân tích, hoà giải vì khi và chỉ khi các đương sự thoả thuận được toàn bộ vụ án thì bản án sơ thẩm số 573/2018/HNGĐ-ST ngày 27/9/2018 của Toà án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh mới không bị huỷ để giải quyết lại theo thủ tục chung. Toà án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những vi phạm không đáng có trong quá trình tiến hành tố tụng đã dẫn đến việc một vụ án “Tranh chấp ly hôn” đơn giản thụ lý từ ngày

12/12/2012 nhưng phải kéo dài gần 07 năm mới kết thúc. Những sai lầm này đã làm đương sự mất quá nhiều thời gian, công sức từ đó mất niềm tin, không hợp tác, gây khó khăn trong quá trình tố tụng đồng thời ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là tự nguyện; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L và các con chung của ông L, bà L; không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự đồng thời tuyên hủy những văn bản ngăn chặn không đúng pháp luật mà Tòa án Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành trong quá trình giải quyết vụ án.

Đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm và tính lại án phí sơ thẩm.

Khoảng tiền ông L, bà C đã thi hành án tiền cấp dưỡng theo Quyết định số 1657/QĐ-CCTHA ngày 13/9/2013 là 12.000.000đồng theo văn bản số 3157/THADS ngày 26/9/2018 để thi hành mức cấp dưỡng cho hai trẻ C, B 1.000.000đồng/tháng. Xét thấy, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực từ ngày 01/3/2013 đến ngày có Quyết định giám đốc thẩm hủy ngày 08/01/2014 là 10 tháng. Ông L yêu cầu trừ số tiền này vào tiền nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một lần mà đương sự đã thỏa thuận. Yêu cầu này là phù hợp nên trừ lại cho ông L số tiền 2.000.000đồng. Ông L cấp dưỡng nuôi con một lần là 198.000.000đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2, khoản 3 Điều 59, Điều 81, Khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016; khoản 7 Điều 12 Pháp lệnh án phí lệ phí

Khoản 7, 8, 9, 10 Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 573/2018/HNGĐ-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Mai C về việc yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà 109 I, khu phố K, phường B, thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Hủy hai văn bản do Tòa án nhân dân Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 08/7/2015: Văn bản số 1261/TAQ1 yêu cầu Ủy ban nhân dân Thành phố Rạch Giá, Kiên giang và Văn phòng Đăng ký Đất đai Rạch Giá, Kiên

Giang tạm thời chưa cho đăng bộ và cấp lại giấy mới căn nhà 109 U, Đồng Khởi, Y, Rạch Giá, Kiên Giang; Văn bản số 1260/TAQ1 yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Củ Chi tạm thời chưa cho đăng bộ và cấp lại giấy mới căn nhà 6/1B Đường 225, xã Hoà Phú, huyện Củ Chi.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

4.2 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Phước Lộc và bà Nguyễn Thị Mai C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 25/9/2003 không còn giá trị pháp lý.

4.3 Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Xác định căn nhà 6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Võ Phước L và bà Nguyễn Thị Mai C. Ông Võ Phước L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mai C số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) ngay sau khi án có án hiệu lực.

+ Bà Nguyễn Thị Mai C được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục hai trẻ Võ Minh C (10/10/2004) và Võ Minh B (31/01/2007). Ông Võ Phước L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một lần là 198.000.000đ (một trăm chín mươi tám triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông Lộc thực hiện quyền này.

+ Ông Võ Phước L được trọn quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa 6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số AM 472639, sổ vào sổ H00185/04 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2008 ngay sau khi thực hiện xong nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Mai C số tiền 598.000.000đ (năm trăm chín mươi tám triệu đồng).

+ Trường hợp ông Võ Phước L chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho bà Nguyễn Thị Mai C thì ông L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm trên số tiền phải hoàn trả; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Mai C được quyền yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà tọa lạc tại địa chỉ 6 Đường A, ấp 2, tổ 3, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án nếu ông ông Lộc chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền.

5. Án phí:

5.1. Ông Võ Phước L không phải chịu án phí phúc thẩm.

5.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Phước L chịu án phí ly hôn là 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000đồng và án phí chia tài sản chung là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 20.300.000đ (hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 2.700.000đồng đã thi hành án theo Quyết định số 1658/QĐ-CCTHA ngày 13/9/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng theo biên lai số AA/2017/0023612 ngày 04/10/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Phước L còn phải nộp 17.300.000đ (mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Mai C phải chịu án phí ly hôn 100.000đồng, chia tài sản chung là 20.000.000đồng. Tổng cộng là 20.100.000đ (hai mươi triệu một trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1 gồm biên lai số 05631 ngày 26/9/2012 với số tiền là 5.000.000đồng, biên lai số 0023396 ngày 7/8/2018 với số tiền là 200.000đồng (đã chuyển nộp 2.500.000 đồng theo biên lai chuyển nộp số 6968 ngày 23/9/2013 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Nguyễn Thị Mai C còn phải nộp 14.900.000đ (mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND, VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND, Cục THADS TP.HCM;
- TAND, Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T/17)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp

